

Khu BTTN Pù Mát

Tên khác

Anh Sơn, Thanh Chương, Thanh Thủy

Tỉnh

Nghệ An

Tình trạng

Nghị định

Ban quản lý được thành lập

Có

Vĩ độ

18°46' - 19°08' vĩ độ Bắc

Kinh độ

104°24' - 104°59' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

05c - Bắc Trung Bộ



Tình trạng bảo tồn

Quyết định 194/CT ngày 09/08/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đã quyết định thành lập hai khu rừng đặc dụng độc lập ở phía nam tỉnh Nghệ An: Khu Bảo tồn Thiên nhiên Anh Sơn, huyện Anh Sơn với diện tích 1.500 ha và Khu Bảo tồn Thiên nhiên Thanh Thủy, huyện Thanh Chương với diện tích 7.000 ha. Hai khu bảo tồn trên sau này được kết hợp làm một để thành lập Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát tại các huyện Anh Sơn, Con Cuông và Tương Dương (Bộ NN và PTNT 1997).

Năm 1993, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng đã xây dựng dự án đầu tư Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát. Diện tích của khu bảo tồn thiên nhiên nêu trong tài liệu này là 93.400 ha, bao gồm 83.112 ha khu bảo vệ nghiêm ngặt và 10.388 ha khu hành chính dịch vụ. Ngoài ra, tài liệu còn đề xuất thiết lập một vùng đệm với diện tích 83.000 ha (Anon. 1993a). Dự án đầu tư này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An phê chuẩn theo Quyết định số 3355/QĐ-UB, ngày 28/12/1995. Cũng trong thời gian này, diện tích của khu bảo tồn thiên nhiên cũng được điều chỉnh thành 91.113 và vùng đệm là 86.000 ha (Blazeby *et al.* 1999).

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát có Ban Quản lý trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Nghệ An (Grieser Johns ed. 2000). Pù Mát có tên trong danh sách các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 là một khu bảo tồn thiên nhiên có diện tích 93.400 ha. Trong "Danh lục 2010" cũng đề xuất việc chuyển quyền quản lý đối với Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát từ Chi Cục Kiểm Lâm lên Cục Kiểm Lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Cục Kiểm Lâm 1998).

Địa hình và thủy văn

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát nằm ở phía bắc dãy Trường Sơn. Độ cao của khu bảo tồn thiên nhiên giao động trong khoảng 100 đến 1841 m, mặc dù 90% diện tích khu bảo tồn nằm ở độ cao dưới 1000 m. Đỉnh cao nhất nằm ở phía nam khu bảo tồn trên dãy núi nằm giữa biên giới Việt Nam - Lào. Nhiều thung lũng có sườn dốc chạy vòng góc với dãy đông cao hình thành nên hàng loạt các dãy núi nhỏ chạy theo hướng bắc - nam. Địa hình dốc hiểm trở ở hầu hết khu bảo tồn thiên nhiên đã cản trở việc chặt phá rừng trên quy mô lớn (Grieser Johns ed. 2000).

Khu bảo tồn thiên nhiên nằm trong lưu vực của 4 sông chính là Khe Thời, Khe Bù, Khe Choang và Khe Khang. Cả bốn con sông này đều đổ vào

sông Cả chảy từ hướng tây sang đông qua một vùng thung lũng rộng ở phía bắc khu bảo tồn.

Đa dạng sinh học

Trong khuôn khổ của dự án do Liên minh Châu Âu tài trợ với tên gọi "Lâm nghiệp Xã hội và Bảo tồn Thiên nhiên tỉnh Nghệ An" (SFNC), hàng loạt đợt điều tra cơ bản về đa dạng sinh học đã được tiến hành tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát trong các năm 1998 và 1999 (Grieser Johns ed. 2000). Các đợt điều tra này được xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu trước đó của Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (Anon. 1993a) và Frontier - Việt Nam (Kemp *et al.* 1995). Do có nhiều đợt khảo sát đã được tiến hành, nên có thể nói Pù Mát là một trong những vùng được nghiên cứu kỹ nhất về đa dạng sinh học ở Việt Nam.

Đến nay, đã có 1.144 loài thực vật bậc cao có mạch được khẳng định có phân bố tại Pù Mát, trong số đó có ít nhất là 3 loài mới cho khoa học là *Cleistanthus* sp. nov., *Phyllagathis* sp. nov. và *Phrynium pumatensis*. Thảm thực vật phân bố rộng nhất trong khu bảo tồn thiên nhiên là rừng thường xanh đất thấp. Kiểu rừng này ưu thế với các loài cây họ Dầu Dipterocarpaceae (*Hopea* spp. và *Dipterocarpus* spp.), Dẻ Fagaceae (*Quercus* spp., *Lithocarpus* spp. và *Castanopsis* spp.) và Long não Lauraceae (*Cinnamomum* spp. và *Litsea* spp.) (Grieser Johns ed. 2000).

Tại các đai cao hơn, rừng thường xanh trên núi thấp bắt đầu xuất hiện. Dưới 1.500 m, kiểu rừng này ưu thế bởi các loài họ Dẻ Fagaceae, Long não Lauraceae và Sim Myrtaceae, tuy vậy vẫn thấy một vài loài thuộc họ Dầu Dipterocarpaceae xuất hiện. Ở độ cao trên 1500 m, các loài cây họ Dầu Dipterocarpaceae hoàn toàn không thấy xuất hiện, thảm thực vật đặc trưng bởi các loài hạt trần Sa mu *Cunninghamia konishii*, Pơ mu *Fokienia hodginsii* và Kim giao *Decussocarpus wallichianus*. Những vùng rừng chưa bị tác động của kiểu rừng này phân bố dọc theo các núi cao ở phía tây bắc của khu bảo tồn (Grieser Johns ed. 2000).

Pù Mát là một trong những vùng quan trọng nhất đối với công tác bảo tồn thú ở Việt Nam. Các

đợt điều tra của SFNC đã khẳng định sự tồn tại của 3 loài thú đặc hữu Đông Dương là Sao La *Pseudoryx nghetinhensis*, Thỏ sọc Trung Bộ *Nesolagus* sp. nov. và Vượn đen má trắng/hung *Hylobates leucogenys/gabriellae*. Ngoài ra, còn có những ghi nhận chưa chắc chắn về một số loài đặc hữu Đông Dương khác là Mang lớn *Megamuntiacus vuquangensis*, Mang Trường Sơn *Muntiacus truongsonensis*, Lợn rừng Đông Dương *Sus bucculentus* Vọc và chân nâu *Pygathrix nemaeus nemaeus*. Các đợt điều tra trong khuôn khổ SFNC cũng khẳng định sự phân bố của hàng loạt các loài bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu ở Pù Mát như Khỉ mốc *Macaca assamensis*, Sói đỏ *Cuon alpinus*, Hổ *Panthera tigris*, Cầy vằn *Hemigalus owstoni* và Voi *Elephas maximus* (Grieser Johns ed. 2000).

Đến nay, tổng số có 295 loài chim đã được ghi nhận tại Pù Mát, trong đó 22 loài đang hoặc sắp bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu (Round 1999). Pù Mát được coi là nơi có các quần thể có ý nghĩa toàn cầu của các loài Trĩ sao *Rheinardia ocellata* và Niệc cổ hung *Aceros nipalensis* (Grieser Johns ed. 2000).

Kết quả các đợt điều tra đa dạng sinh học đã chứng tỏ Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát là một trong những mẫu chuẩn tốt nhất của hệ sinh thái vùng núi Trường Sơn và có ý nghĩa bảo tồn quốc tế. Khu bảo tồn thiên nhiên này là nơi còn giữ lại được vùng rừng tự nhiên liên tục lớn nhất miền Bắc Việt Nam và được liên kết với các khu bảo vệ khác ở Việt Nam và Lào bằng những vùng rừng liên tục (Grieser Johns ed. 2000).

Các vấn đề về bảo tồn

Việc khai thác gỗ trái phép với quy mô lớn vẫn đang diễn ra dọc theo các thung lũng bờ sông trong khu bảo tồn. Hoạt động này đang làm thay đổi cấu trúc rừng và đe dọa nghiêm trọng quần thể của một số loài cây gỗ quan trọng, kể cả các loài bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu như Pơ mu *Fokienia hodginsii* và các loài cây gỗ họ Dầu Dipterocarpaceae. Việc khai thác song mây và phong lan cũng đe dọa xóa sổ các loài này trong khu bảo tồn thiên nhiên (Grieser Johns ed. 2000).

Mối đe dọa lớn nhất đối với các loài bò sát và lưỡng thê trong khu bảo tồn là bị người dân địa phương săn bắt. Hầu hết các loài này được bán ra nước ngoài, chủ yếu là sang Trung Quốc. Nếu các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên và luật về buôn bán các loài hoang dã không được thực thi nghiêm ngặt, quần thể của các loài rùa nước, kỳ đà và trăn ở Pù Mát sẽ bị đẩy đến nguy cơ tuyệt chủng (Blazeby *et al.* 1999).

Tuy vẫn còn những diện tích rộng lớn các vùng sinh cảnh chưa bị tác động, nhưng săn bắn lại đang đe dọa quần thể của nhiều loài chim thú ở Pù Mát. Kết quả điều tra của SFNC cho thấy ít nhất một loài bị đe dọa trên toàn cầu là Voọc và chân nâu đã bị tuyệt chủng trong khu bảo tồn ít nhất là từ 5 năm trước (Grieser Johns ed. 2000).

Các mối đe dọa khác đến đa dạng sinh học ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát bao gồm phá rừng làm nương rẫy và khai thác vàng. Phá rừng làm nương rẫy thực sự nghiêm trọng ở phía phân khu Khe Khạng của khu bảo tồn, nơi còn khoảng 1.100 dân sinh sống. Grieser Johns ed. (2000) kiến nghị cần phải di chuyển các hộ dân này ra ngoài khu bảo tồn để ngăn chặn sự xuống cấp của rừng ở những vùng đất thấp của khu bảo tồn. Khai thác vàng xảy ra ở nhiều nơi trong khu bảo tồn đặc biệt là ở vùng Khe Thơi phía tây bắc. Các hoạt động này chủ yếu từ người dân ở các vùng lân cận khu bảo tồn. Nó làm thay đổi cấu trúc hình dáng của bờ sông suối và gây ra sạt lở, tăng lượng trầm tích trong nước (Lê Trọng Cúc *et al.* eds. 1998).

Với sự hỗ trợ của dự án SFNC, các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học ở Pù Mát hiện đang được giải quyết qua cải thiện việc thực thi các quy định quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, hỗ trợ tìm kiếm các nguồn thu nhập thay thế cho người dân địa phương. Ngoài ra, việc phát triển các chiến lược bảo tồn có sự tham gia của các cộng đồng địa phương cũng đã được tiến hành từ giữa năm 1999 (Grieser Johns ed. 2000).

Các giá trị khác

Rừng ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát bảo vệ vùng đầu nguồn của bốn con sông là nguồn

cung cấp nước thủy lợi và sinh hoạt chính cho các cộng đồng dân cư sống ở vùng đệm. Ngoài ra, rừng ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát bảo vệ một phần vùng đầu nguồn của sông Cả, một sông chính của tỉnh Nghệ An.

Các dự án có liên quan

Dự án SFNC đang được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện với đối tác là Ủy ban Châu Âu. Dự án bắt đầu vào tháng 5/1997 và dự định thực hiện trong sáu năm. Dự án có tổng kinh phí 18,7 triệu Euro (SFNC 1998). Dự án SFNC được thiết kế nhằm bảo tồn nguồn tài nguyên rừng và đa dạng sinh học ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát và vùng đệm (Grieser Johns ed. 2000).

Tài liệu tham khảo

Anon. (1993a) [Investment plan for Pu Mat Nature Reserve, Nghe An province]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1993b) Summary management plan of Pu Mat Nature Reserve, Nghe An. Vinh: Nghe An Provincial People's Committee.

Anon. (1997) [Scientific workshop on sustainable development in the buffer zone of Pu Mat Nature Reserve, Nghe An province]. Vinh: Vinh Pedagogic University. In Vietnamese.

Anon. (1998) [Report on monitoring and assessment of biodiversity in the Khe Moi, Khe Kem and Khe Chat areas, Pu Mat Nature Reserve]. Con Cuong: Pu Mat Nature Reserve. In Vietnamese.

Anon. (1998) Elusive mammal captured on camera after six years. Vietnam Cultural Window 9: 5.

Anon. (1998) Minutes of the first annual meeting of the Conservation Co-ordination Working Group, Pu Mat Nature Reserve. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Anon. (1998) Report on butterfly fauna survey in Pu Mat Nature Reserve, Nghe An province, May-September 1998. Unpublished report to Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Anon. (1998) Strategic research plan for the Pu Mat Nature Reserve. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Baltzer, M. C. ed. (1998a) Technical report on the biodiversity survey of Pu Mat Nature Reserve. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Baltzer, M. C. ed. (1998b) A training manual for biological surveying. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Blazeby, K., Le Nguyen Ngat, Do Quang Thai and Nguyen Quang Truong (1999) An analysis of wildlife trade dynamics around the Pu Mat Nature Reserve. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Cao Van Sung (undated) Pu Mat Nature Reserve. Unpublished report to the Institute of Ecology and Biological Resources.

Chu Van Dung (1998) [Biodiversity of the nature reserves of Nghe An province]. Lam Nghiep [Vietnam Forest Review] November/December 1998: 54-55. In Vietnamese.

Dillon, T. C. and Wikramanayake, E. D. (1997) Parks, peace and progress: a forum for transboundary conservation in Indochina. *Parks* 7(3): 36-51.

Dossche, V. and de Wulf, R. (1998) Comparative study of dendrological composition and structure of three nature reserves in Vietnam. Unpublished report to the Unit of Forest Management and Spatial Information Techniques, University of Ghent.

Grieser Johns, A. ed. (2000) Pu Mat: a biodiversity survey of a Vietnamese protected area. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Grindley, M. (1999) Training for environmental education (TREE) in Pu Mat Nature Reserve, Nghe An province. Unpublished training material prepared by Cuc Phuong Conservation Project.

Grindley, M. E. ed. (1999) Pu Mat Nature Reserve animal fact sheets. Hanoi: Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Hayes, B. and Nguyen Quang Truong (1999) A preliminary assessment of the karst of Pu Mat Nature Reserve and its buffer zone with recommendations for management. Unpublished report to Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Hill, M. (1998) Hawk moths (Lepidoptera: Sphingidae) and emperor moths (Lepidoptera: Saturniidae) of Pu Mat Nature Reserve. Unpublished report to Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Hill, M. J. and Monastyrskii, A. L. (1998) Butterfly fauna of protected areas in north and central Vietnam collections 1994-1997. *Atalanta* 29: 185-208.

Hoang Xuan Quang and Nguyen Van Sang (1998) [Survey result: species composition of reptiles and amphibians at Pu Mat Nature Reserve]. Unpublished report to Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province. In Vietnamese.

John, B. G. (1998) Ecotourism development within the Pu Mat Nature Reserve, Nghe An province. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Kemp, N., Dilger, M. and Le Mong Chan (1995) Site description and conservation evaluation: Pu Mat Nature Reserve, Con Cuong district, Nghe An province, Vietnam. London: Society for Environmental Exploration.

Le Mong Chan (1998) Diversity of plants at Khe Bu area, Pu Mat Nature Reserve, Con Cuong, Nghe An. Hanoi: Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Le Trong Cuc, Tran Duc Vien, Dao Trong Hung and Hoang Van Sou eds. (1998) Ca river

basin environmental impact assessment. Hanoi: Centre for Natural Resources and Environmental Studies.

Long, B. and Do Tuoc (1999) A participatory conservation strategy for the Khe Bong valley, Pu Mat Nature Reserve, Nghe An province, Vietnam. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Long, B. and Do Tuoc (1999) [A participatory conservation strategy for the Khe Bong valley, Pu Mat Nature Reserve, Nghe An province, Vietnam]. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province. In Vietnamese.

Nguyen Cu, Eames, J. C. and Lambert, F. R. (1995) [Results of surveys of the Annamese Lowlands, Vietnam and its implication for the conservation of Vietnamese Pheasant *Lophura hatinhensis* and Imperial Pheasant *L. imperialis*]. Pp 264-275 in: Dang Huy Huynh, Nguyen Tien Ban, Vu Quang Con, Nguyen Thi Le, Pham Van Luc, Tran Dinh Ly, La Dinh Moi and Cao Van Sung eds. [Results of research by IEBR] Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

Nguyen Huu Duc (1998) A wildlife fish and habitat survey of Pu Mat National Biodiversity Conservation Area, Nghe An province, Socialist Republic of Vietnam. Unpublished report to Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Nguyen Minh Tam (1998) Rodent diversity: description of a species in Pu Mat natural reserve. Unpublished report to Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Nguyen Minh Tam and Cao Van Sung (1999) Distribution and relative abundance of rodents in tropical forests in Vietnam. Unpublished report to the Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

Nguyen Minh Tam and Ngoc Anh (1998) Third survey on rodents in the Pu Mat Nature Reserve, Nghe An (15th Aug - 14th Sept 1998). Unpublished report to the Institute of Ecology and Biological Resources.

Nguyen Minh Tam and Nguyen Duy Tuan (1998) Survey on rodents at the Pu Mat Nature Reserve, Nghe An. Unpublished report to the Institute of Ecology and Biological Resources.

Nguyen Minh Tam and Vo Huy Thong (1998) Some results on the second survey of small mammals at the Pu Mat Reserve, Nghe An (20th June - 19th July 1998). Unpublished report to the Institute of Ecology and Biological Resources.

Nguyen Nghia Thin (1998) Diversity of flora and vegetation at Khe Thoi area, Pu Mat Nature Reserve, Con Cuong, Nghe An. Hanoi: Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Nguyen Nghia Thin (1998) Diversity of plants at Thac Kem-Dot Khe Chat area, Pu Mat Nature Reserve, Con Cuong. Hanoi: Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Nguyen Tien Hiep (1999) Some new data on the Pinopsida in the north Truong Son range. Pp 104-108 in: Nguyen Thai Tu ed. [Selected reports on the biodiversity of the northern Truong Son range] Hanoi: Hanoi National University Press. In Vietnamese.

Round, P. D. (1999) Avifaunal surveys of the Pu Mat Nature Reserve, Nghe An province, Vietnam 1998-1999. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

SFNC (1997) Overall workplan and budget 1997-2003. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

SFNC (1998) Annual workplan and budget 1998. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.

Tran Dinh Nghia (1998) Vegetation and plant diversity at Khe Be (Pu Mat Nature Reserve). Unpublished report to Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Trinh Viet Cuong (1998) [A report on the results of a mammal survey in Pu Mat Nature Reserve, Con Cuong district, Nghe An province]. Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

Truong Van La (1998) [Results of an avifaunal survey of the Khe Chat area, Pu Mat Nature Reserve, Con Cuong district, Nghe An province]. Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

Uemura, Y. and Monastyrskii, A. L. (2000) Description of two species of the genus *Ypthima* Hubner (Lepidoptera: Satyridae) from north and central Vietnam. Trans. Lepid. Soc. Japan 51(2): 150-156.